

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 120/2023/HS-PT

Ngày 08 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn M.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tr;

Bà Phạm Thị Thúy M.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thị Ngọc L - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên toà:** Bà Bùi Thị Kim T - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 128/2023/TLPT - HS ngày 16 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo Trương Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2023/HS - ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Bị cáo có kháng cáo: Trương Văn T, sinh năm 1987, tại thị trấn G, huyện X, tỉnh V; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn G, huyện X, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ Hà Thị H và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 23/12/2021, T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh V ra quyết định số 355 áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn 03 tháng; đã chấp hành xong ngày 23/3/2022. Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2016/HS-ST ngày 10/5/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” đã nộp án phí ngày 31/8/2016, chấp hành xong hình phạt ngày 12/5/2018. Ngày 23/6/2019 bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ về hành vi “Gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích”, đã nộp phạt ngày 27/6/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Hà Thị H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn G, huyện

X, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 30/3/2023, tại khu vực Quảng trường huyện Đ thuộc tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh V, tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh V làm nhiệm vụ phát hiện Trương Văn T có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và phát hiện T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Thu tại vị trí ghế ngồi phía sau bên phải xe ô tô T sử dụng 01 ví giả da màu nâu có in hình michkey, bên trong gồm 01 Ti nilon màu xanh, bên trong có chứa 14 viên nén màu hồng; 01 Ti nilon màu trắng, bên trong có chứa 13 viên nén màu nâu xám; 03 Ti nilon màu trắng, bên trong đều có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng (vật chứng được niêm phong, ký hiệu A1). Thu tại Ti quần bên phải phía trước của T đang mặc 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Trương Văn T; thu tại túi quần bên trái phía trước của T đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 PROMAX màu vàng, đã qua sử dụng (được niêm phong vào cùng 01 phong bì thư, ký hiệu A2); tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 29A-580.33, màu sơn trắng, đã qua sử dụng.

T khai nhận, các viên nén màu hồng là ma túy ngạ, các viên nén màu nâu xám là ma túy kẹo, các hạt tinh thể dạng đá là ma túy đá và ke, T tàng trữ mục đích để sử dụng cho bản thân.

Ngày 31/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Văn T, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản Kết luận giám định số 881/KL- KTHS ngày 04/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V, kết luận:

1. “*Tinh thể dạng đá màu trắng có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma Ty, có khối lượng 3,8415 g (Ba phẩy tám bốn một năm gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.*

2. *13 (Mười ba) viên nén đều màu nâu xám có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma Ty có tổng khối lượng 6,2494g (Sáu phẩy hai bốn chín bốn gam, không kể bao bì), loại MDMA.*

3. *14 (Mười bốn) viên nén đều màu hồng, trên một mặt của mỗi viên đều in chìm ký tự “WY” có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma Ty có tổng khối lượng 1,3494g (Một phẩy ba bốn chín bốn gam, không kể bao bì), loại Methamphetamine.*

4. *Tinh thể màu trắng đục có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma Ty,*

có khối lượng 0,1745g (Không phải một bảy bốn năm gam, không kể bao bì) loại Ketamine”.

Hoàn lại đối tượng giám định còn lại sau giám định gồm: 3,5149 gam tinh thể đá màu trắng đục; 6,0131 gam viên nén màu nâu xám; 1,2011 gam viên nén màu hồng; 0,1014 gam tinh thể màu trắng đục và toàn bộ bao gói.

Về nguồn gốc ma túy, Trương Văn T khai: Khoảng 20 giờ ngày 29/3/2023, T có ý định sử dụng ma túy nên T sử dụng tài khoản zalo đăng ký bằng số điện thoại chính chủ gọi vào tài khoản zalo tên “Ngáo Ăn Chả” của người bạn quen biết ngoài xã hội tên là Vũ hay còn gọi là “Vũ Lợi”, sinh khoảng năm 1990, 1991 ở xã E, huyện X, tỉnh V hỏi mua ma túy. Vũ đồng ý, hẹn T đến quán Cafe gần gầm cầu cao tốc thuộc thôn T, xã E, huyện X để trao đổi mua bán. Sau đó, T bắt xe taxi một mình đi đến điểm hẹn rồi gọi điện thoại cho Vũ. Khoảng 05 phút sau, Vũ một mình đi xe máy đến. Tại đây, T mua được của Vũ 13 viên ma túy màu nâu xám, loại MDMA; 14 viên ma túy màu hồng, loại Mathamphetamine; 01 gói tinh thể dạng đá màu trắng, loại Mathamphetamine và 01 gói tinh thể màu trắng đục, loại Ketamine với giá 10.800.000 đồng, mục đích để sử dụng dần. Sau khi mua được ma túy, T để số ma túy trên vào chiếc ví giả da màu nâu có in hình Mich key và cất vào Túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi đi về nhà. Đến khoảng 22 giờ 10 phút ngày 30/3/2023, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 29A-580.33, màu trắng mang theo số ma túy trên đến Quảng trường huyện Đ thuộc tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ để sử dụng, khi vừa xuống xe thì bị lực lượng Công an tỉnh V phát hiện bắt quả tang.

Căn cứ lời khai của T, Cơ quan điều tra đã làm việc với Công an xã E, huyện X, qua rà soát trên địa bàn có người tên Nguyễn Tuấn Vũ, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã E, huyện X, tỉnh V, có bố là ông Nguyễn Văn L. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Vũ lên làm việc nhưng người này hiện không có mặt tại địa phương, không biết đang làm gì, ở đâu nên chưa làm việc được. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại di động thu giữ của T yêu cầu khôi phục, trích xuất tin nhắn, cuộc gọi trên ứng dụng zalo từ tài khoản của T đến tài khoản có tên “Ngáo Ăn Chả”. Kết quả, chụp được 19 ảnh màn hình điện thoại thể hiện nội dung tin nhắn ứng dụng zalo giữa hai tài khoản nêu trên (có phụ lục kèm theo). Nội dung các ảnh phụ lục không thể hiện việc trao đổi mua bán ma túy cũng như không có nội dung nào khác. Do chưa làm việc được với Nguyễn Tuấn Vũ nên chưa có căn cứ xác định người này có phải là người bán ma túy cho T như lời khai của T hay không. Ngoài lời khai của T hiện nay chưa có tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ xử lý sau.

Đối với người lái xe taxi chở T đi mua ma túy, do T khai không có số điện

thoại, không biết họ tên tài xế, không nhớ biển số xe nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2023/HS - ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trương Văn T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt ngày tạm giữ, tạm giam 31/3/2023.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố tịch thu chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 29A-580.33, màu trắng.

Ngoài ra, tòa sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 9 năm 2023, bị cáo Trương Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo bổ sung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả cho vợ chồng bị cáo chiếc xe ô tô KIA, BKS 29A-580.33.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trương Văn T không tranh luận gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và đề nghị trả chiếc xe ô tô cho vợ chồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Văn T làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án đã đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trương Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, các kết luận giám định, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 30/3/2023, tại khu vực Quảng Trường huyện Đ thuộc tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh V, Trương Văn T bị bắt quả tang

đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, qua giám định kết luận: 3,8415g tinh thể dạng đá màu trắng, loại Methamphetamine; 13 viên nén màu nâu xám, khối lượng 6,2494g, loại MDMA; 14 viên nén màu hồng, khối lượng 1,3494g, loại Methamphetamine và 0,1745g tinh thể màu trắng đục, loại Ketamine, mục đích sử dụng cho bản thân.

Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự 2015, được xác định như sau: do Methamphetamine và MDMA là các chất ma túy được quy định trong cùng 1 điểm của điều luật nên áp dụng Điều 5 của Nghị định 19, tổng khối lượng các chất ma túy trên là $3,8415g + 6,2494g + 1,3494g = 11,4403g$, thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 249 BLHS. Các chất ma túy đều có khối lượng dưới mức tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự, vì vậy, áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 19 để tính tổng khối lượng các chất ma túy, cụ thể: tỷ lệ phần trăm của Methamphetamine và MDMA so với mức tối thiểu của các chất này quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 ($11,4403g$ so với $30g$) là $38,13\%$; tỷ lệ phần trăm của Ketamine (chất ma túy khác ở thể rắn) so với mức tối thiểu của chất này quy định tại điểm e khoản 3 Điều 249 ($0,1745g$ so với $100g$) là $0,17\%$. Tổng tỷ lệ phần trăm của ba chất ma túy là $38,3\%$, dưới 100% nên thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của Trương Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định cụ thể như sau:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:...

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này”.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách về quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, chất gây nghiện. Từ việc tàng trữ để sử dụng không những ảnh hưởng tới sức khỏe của bị cáo mà còn gây ra nhiều tệ nạn cho xã hội. Trước tình hình các tội phạm về ma túy mặc dù đã được đấu tranh, xử lý nghiêm khắc nhưng vẫn không giảm mà có chiều hướng tăng lên, gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Do vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo Trương Văn T khai báo thành khẩn, ăn năn về hành vi phạm tội của mình đã được Tòa án sơ thẩm xem xét. Về tiền sự

Trương Văn T: Ngày 23/12/2021, T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh V ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn 03 tháng; đã chấp hành xong ngày 23/3/2022. Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2016/HS-ST ngày 10/5/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Ngày 23/6/2019, bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ về hành vi “Gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích”, đều đã được xóa. Điều đó chứng tỏ T là người khó cải tạo, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên cần xử lý nghiêm khắc. Tại phúc thẩm bị cáo không xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 07 năm tù là phù hợp, có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T bổ sung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả cho vợ chồng bị cáo chiếc xe ô tô KIA, BKS 29A-580.33. Chị H vợ bị cáo và bị cáo T tại phiên tòa sơ thẩm cũng đề nghị Tòa án trả lại chiếc xe ô tô cho vợ chồng chị. Mặc dù cấp sơ thẩm tuyên tịch thu xe sung quỹ Nhà nước nhưng chị H và bị cáo T không kháng cáo là do hiểu biết pháp luật hạn chế.

Hội đồng xét xử thấy Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đề nghị và tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố tịch thu chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 29A-580.33, màu trắng vì xác định là đây là vật chứng của vụ án để tịch thu là không đúng. Hồ sơ vụ án và lời khai của T tại phiên tòa thể hiện: Ngày 29/3/2023, T mua được của đối tượng Vũ 13 viên ma túy, loại MDMA; 14 viên ma túy, loại Mathamphetamine; 01 gói tinh thể, loại Mathamphetamine và 01 gói tinh thể màu trắng đục, loại Ketamine. T để số ma túy trên vào chiếc ví giả da màu nâu có in hình Michkey và cất vào Túi quần rồi đi về nhà. Khoảng 22 giờ ngày 30/3/2023, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 29A-580.33, mang theo ví chứa ma túy trên, để ở ghế xe ô tô đến Quảng trường huyện Đ để sử dụng, thì bị lực lượng Công an tỉnh V phát hiện bắt quả tang. Như vậy, chiếc xe này không phải là phương tiện để vận chuyển trái phép ma túy, hay là phương tiện để T sử dụng đem ma túy đi bán; không phải là vật trực tiếp liên quan đến tội phạm và không phải phương tiện dùng vào việc phạm tội. Vì có hay không có chiếc xe này thì bị cáo cũng đã mua và tàng trữ ma túy, cất tại ví của bị cáo từ khi mua đến khi bị bắt. Chiếc xe trên chỉ là phương tiện để bị cáo đi lại từ nhà ra Quảng trường Đ. Vì vậy, cần xác định chiếc xe KIA, BKS 29A-580.33 không phải là vật chứng của vụ án, không phải là vật trực tiếp

liên quan đến tội phạm và không phải phương tiện dùng vào việc phạm tội nên không thuộc vật, tài sản phải tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Mặt khác, theo lời khai trình bày và giấy tờ do chị H cung cấp thể hiện chị H là người trực tiếp bỏ tiền ra mua chiếc xe KIA, BKS 29A-580.33 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 396782 mang tên Cấn Xuân Sơn (BL 105, 106). T và chị H đều xác định tiền bỏ ra mua xe là hoàn toàn của chị H, T không đóng góp gì. Việc T sử dụng xe đi đâu, làm gì chị H không biết và không có lỗi. Do vậy căn cứ điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần sửa bản án sơ thẩm trả lại chiếc xe ô tô KIA, BKS 29A-580.33 trên cho chị H và T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[5] Kháng cáo của bị cáo Trương Văn T được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2023/HS - ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt ngày tạm giữ, tạm giam 31/3/2023.

2. Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho chị Hà Thị H và bị cáo Trương Văn T chiếc xe ô tô KIA, BKS 29A-580.33, màu trắng (Có đặc điểm theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ).

3. Bị cáo Trương Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- TAND huyện Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh V;
- Bị cáo;
- Lưu HS - Tòa hình sự.

(đã ký)